

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬNCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4155/TTr-SGTVT ngày 31/12/2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải căn cứ danh mục thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Tổ chức niêm yết công khai thực hiện đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm quy định tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ và Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt **trong thời hạn 10 ngày** kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và bãi bỏ các Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 27/6/2023, Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 19/02/2024, Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc các cơ sở đăng kiểm trong tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THÊ TRONG LĨNH VỰC
ĐĂNG KIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1		Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	- Trực tiếp; - Qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn .	Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ sở đăng kiểm	- Lệ phí: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định; - Riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (<i>không bao gồm xe cứu thương</i>): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.	Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
2		Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	- Trực tiếp; - Qua hệ thống trực tuyến.	- Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: ngay trong ngày nhận được hồ sơ;	Cơ sở đăng kiểm	Giá dịch vụ in lại giấy chứng nhận: 23.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định tem kiểm định xe cơ giới.	

				<p>- Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất: Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.</p>		
3	Cấp lại giấy chứng nhận cái tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua hệ thống bưu chính; - Hệ thống trực tuyến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Giấy chứng nhận cái tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác. - Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cái tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá xe thực tế đạt yêu cầu. 	Cơ sở đăng kiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận; riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (<i>không bao gồm xe cứu thương</i>): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	

			<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến. 	<p>Thông tư số 46/2024/TT BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải</p>
4	<p>Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua hệ thống trực tuyến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến. 	<p>Không có</p>
5	<p>Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua hệ thống bưu chính; - Hệ thống trực tuyến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). 	<p>Không có</p>
6	<p>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua hệ thống bưu chính; - Hệ thống trực tuyến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị. - Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy: + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). 	<p>Không có</p>

			<p>+ Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.</p>					
<p>II</p>	<p>Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)</p>	<p>- Trực tiếp; - Qua hệ thống bưu chính; - Hệ thống trực tuyến.</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định. + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn. - Thời hạn trả kết quả: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá; + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.</p>	<p>Cơ sở đăng kiểm</p>	<p>- Lệ phí: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận; riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải</p>	
<p>7</p>	<p>1.005103</p>							

	<p>8</p>	<p>Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới</p>	<p>- Trực tiếp; - Qua hệ thống bưu chính; - Hệ thống trực tuyến.</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.</p>	<p>Sở Giao thông vận tải</p>	<p>Không có</p>	<p>Thông tư số 46/2024/TT BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải</p>
	<p>9</p>	<p>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới</p>	<p>- Trực tiếp; - Qua hệ thống bưu chính; - Hệ thống trực tuyến.</p>	<p>- Trường hợp Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới do Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyền kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyền kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị. - Trường hợp cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p>	<p>Sở Giao thông vận tải</p>	<p>Không có</p>	

			<p>+ Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.</p>				
<p>III</p> <p>Danh mục thủ tục hành chính thay thế</p>	<p>- Lệ phí: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận; riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (<i>không bao gồm xe cứu thương</i>): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.</p> <p>- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>Cơ sở đăng kiểm</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ;</p> <p>- Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe:</p> <p>+ Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định.</p> <p>+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả:</p> <p>+ Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá;</p> <p>+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.</p>	<p>Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)</p> <p>- Trực tiếp; - Qua hệ thống bưu chính; - Hệ thống trực tuyến.</p>	<p>Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải</p>		
	<p>10</p>						

<p>11</p>		<p>Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua hệ thống bưu chính; - Hệ thống trực tuyến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo (trường hợp phải lập hồ sơ thiết kế): 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ theo quy định); - Cấp Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp xe phải lập hồ sơ thiết kế: 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu. + Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu. 	<p>Cơ sở đăng kiểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận; riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	
------------------	--	--	---	---	------------------------	---	--